



CÔNG TY TNHH MTV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: Labkttmtna@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: M05.2311/2023/PKQ.23.153

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Thủy điện Bản Vẽ - CN Tổng công ty phát điện 1
Địa chỉ	Đường Lê Nin, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Địa điểm quan trắc	Nhà máy Thủy điện Bản Vẽ, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.
Loại mẫu	Nước mặt
Vị trí quan trắc	MĐBV1: Bản Hoa Lý, xã Mai Sơn. (N = 19°35'28.5", E = 104°21'15.3") MĐBV2: Bản Xốp Pe, xã Nhôn Mai. (N = 19°32'23.9", E = 104°28'21.3") MĐBV3: Bản Chà Coong, xã Hữu Khuông. (N = 19°31'12.8", E = 104°35'03.5") MĐBV4: Bản Xiềng Lằm, xã Hữu Khuông. (N = 19°30'41.7", E = 104°37'38.7") MĐBV5: Bản Lạp, xã Lượng Minh. (N = 19°25'39.9", E = 104°34'08.1") MĐBV6: Bản Khom, xã Lượng Minh. (N = 19°23'54.2", E = 104°31'08.2") MĐBV7: Bền Thượng Lưu. (N = 19°21'05.4", E = 104°28'49.8") MĐBV8: Cửa nhận nước. (N = 19°20'50.6", E = 104°28'53.7")
Ngày lấy mẫu	23/11/2023
Ngày phân tích	24/11/2023 đến 01/12/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả								QCVN 08
				MĐBV1	MĐBV2	MĐBV3	MĐBV4	MĐBV5	MĐBV6	MĐBV7	MĐBV8	Bảng 3, Mức B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,3	7,1	7,4	7,3	7,6	7,5	7,3	7,2	6,0 ÷ 8,5
2	BOD ₅	mg/L	SMEWW 5210B: 2023	5,6	5,8	4,8	5,4	5,1	4,9	6,7	5,3	≤ 6

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu-đo - phân tích
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



CÔNG TY TNHH MTV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: Labkttmntna@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả								QCVN 08
				MĐBV1	MĐBV2	MĐBV3	MĐBV4	MĐBV5	MĐBV6	MĐBV7	MĐBV8	Bảng 3, Mức B
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	12,7	12,7	9,5	12,7	9,5	9,5	17,5	15,8	≤ 15
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	9,5	12,0	11,5	8,0	10,5	14,0	7,0	9,0	≤ 15
5	NH ₄ ⁺ - N	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,17	0,07	0,08	<0,05	0,12	<0,05	0,13	<0,05	0,3 ^a
6	NO ₂ ⁻ - N	mg/L	TCVN 6178:1996	<0,02	<0,02	<0,02	<0,02	<0,02	<0,02	<0,02	<0,02	0,05 ^a
7	NO ₃ ⁻ - N	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,31	0,29	0,41	0,29	0,33	0,24	0,37	0,26	-
8	SO ₄ ²⁻	mg/l	TCVN 6200:1996	10,5	12,2	9,8	12,0	11,7	10,9	9,1	13,7	-
9	CN ⁻	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	0,01 ^a
10	As	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	0,01 ^a
11	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	0,005 ^a
12	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	0,02 ^a
13	Cr	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	0,05 ^a
14	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,08	0,06	0,09	0,05	0,07	0,04	0,09	0,05	0,5 ^a
15	Mn	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	0,1 ^a
16	Hg	mg/L	SMEWW 3112B:2023	<0,0005	<0,0005	<0,0005	<0,0005	<0,0005	<0,0005	<0,0005	<0,0005	0,001 ^a
17	Fe	mg/L	TCVN 6177:1996	0,24	0,37	0,24	0,29	0,21	0,33	0,27	0,21	0,5 ^a
18	E.coli	MPN/100 mL	TCVN 6187-2:2020	4	5	<1	9	6	5	<1	8	20 ^a
19	Coliform	MPN/100 mL	TCVN 6187-2:2020	290	450	220	680	400	350	230	550	≤ 5.000

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu-đo - phân tích
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



**CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: Labkttntmtna@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

Ghi chú:

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước mặt;
- Bảng 3: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước, Mức B;
- (a): Bảng 1, Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người;
- (-): Không quy định.

QA/QC

Trưởng PTN

CN. Đặng Thị Thu Hiền

CN. Nguyễn Trọng Lục

Nghệ An, ngày 01 tháng 12 năm 2023



Phạm Anh Tuấn

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu-đo - phân tích
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



CÔNG TY TNHH MTV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: Labktnmtna@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: M06.2311/2023/PKQ.23.153

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Thủy điện Bản Vẽ - CN Tổng công ty phát điện 1
Địa chỉ	Đường Lê Nin, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Địa điểm quan trắc	Nhà máy Thủy điện Bản Vẽ, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.
Loại mẫu	Nước mặt
Vị trí quan trắc	MĐBV9: Cửa xả nhà máy. (N = 19°20'28.1", E = 104°29'14.8") MĐBV10: Cầu qua sông Cả. (N = 19°20'16.6", E = 104°28'56.9")
Ngày lấy mẫu	23/11/2023
Ngày phân tích	24/11/2023 đến 01/12/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 08 Bảng 2, Mức B
				MĐBV9	MĐBV10	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,7	7,2	6 ÷ 8,5
2	BOD ₅	mg/L	SMEWW 5210B: 2023	7,2	5,8	≤ 6
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	19,0	15,9	≤ 15
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	5,0	13,0	≤ 15
5	NH ₄ ⁺ - N	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,05	0,08	0,3 ^a
6	NO ₂ ⁻ - N	mg/L	TCVN 6178:1996	<0,02	<0,02	0,05 ^a
7	NO ₃ ⁻ - N	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,22	0,19	-
8	CN ⁻	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	<0,003	<0,003	0,01 ^a
9	SO ₄ ²⁻	mg/l	TCVN 6200:1996	12,7	11,4	-
10	As	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,002	<0,002	0,01 ^a
11	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,002	<0,002	0,005 ^a
12	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,002	<0,002	0,02 ^a
13	Cr	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,005	<0,005	0,05 ^a
14	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,07	0,05	0,5 ^a
15	Mn	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,005	<0,005	0,1 ^a
16	Hg	mg/L	SMEWW 3112B:2023	<0,0005	<0,0005	0,001 ^a
17	Fe	mg/L	TCVN 6177:1996	0,35	0,28	0,5 ^a
18	E.coli	MPN/100 mL	TCVN 6187-2:2020	5	7	20 ^a
19	Coliform	MPN/100 mL	TCVN 6187-2:2020	320	490	≤ 5.000

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu-đo - phân tích
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



**CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: Labkttmntna@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

Ghi chú:

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước mặt;
- Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước, Mức B;
- (a): Bảng 1, Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người;
- (-): Không quy định.

Nghệ An, ngày 01 tháng 12 năm 2023

QA/QC

Trưởng PTN

Giám đốc

CN. Đặng Thị Thu Hiền

CN. Nguyễn Trọng Lục



Phạm Anh Tuấn

VIMCERTS004

Chú thích:

- | |
|--|
| - Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu-đo - phân tích |
| - Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường. |
| - Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này. |



CÔNG TY TNHH MTV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: Labktnmtna@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: N02.2311/2023/PKQ.23.153

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Thủy điện Bản Vẽ - CN Tổng công ty phát điện 1
Địa chỉ	Đường Lê Nin, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Địa điểm quan trắc	Nhà máy Thủy điện Bản Vẽ, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.
Loại mẫu	Nước Sạch
Vị trí quan trắc	SHĐBV1: Tại bể nước gần cổng vào nhà ở. (N = 19°20'04.7", E = 104°28'59.8") SHĐBV2: Tại vòi sau HTXL nước tại bếp ăn. (N = 19°20'05.5", E = 104°28'56.7")
Ngày lấy mẫu	23/11/2023
Ngày phân tích	24/11/2023 đến 01/12/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCĐP 01:2021/NA
				SHĐBV1	SHĐBV2	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,22	0,18	2
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	QTNB-PTHN.10:2022	<5,0	<5,0	-
3	pH	-	QTĐ.13:2023	6,9	7,3	6,0 ÷ 8,5
4	Độ cứng	mg/L	TCVN 6224:1996	25,4	29,4	300
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	<5,0	<5,0	-
6	NH ₄ ⁺ - N	mg/l	QTNB-PTHN.15:2022	<0,2	<0,2	0,3
7	As	mg/L	SMEWW 3113B: 2023	<0,005	<0,005	0,01
8	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,003	<0,003	0,003
9	Crom (Cr)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,015	<0,015	0,05

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu-đo - phân tích
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



CÔNG TY TNHH MTV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: Labkttntna@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCDP 01:2021/NA Ngưỡng giới hạn cho phép
				SHĐBV1	SHĐBV2	
10	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	HACH Method 8027:2013	<0,002	<0,002	0,05
11	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,003	<0,003	0,01
12	Mn	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,015	<0,015	0,1
13	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	<0,0005	<0,0005	0,001
14	NO ₃ ⁻ - N	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2023	<0,6	<0,6	2
15	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	mg/L	TCVN 6178:1996	<0,04	<0,04	0,05
16	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,1	<0,1	0,3
17	SO ₄ ²⁻	mg/L	TCVN 6200:1996	<12,0	<12,0	250
18	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,03	<0,03	2
19	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0,3	0,3	0,2 ÷ 1,0
20	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:2020	<1	<1	<3
21	E.Coli	MPN/100mL	TCVN 6187-2:2020	<1	<1	<1

Ghi chú:

- QCDP 01:2021/NA: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An;
- (-): Không quy định.

QA/QC *Huy*

Trưởng PTN

Nghệ An, ngày 01 tháng 12 năm 2023

Giám đốc

mmr

CN. Đặng Thị Thu Hiền

thl

CN. Nguyễn Trọng Lục



Phạm Anh Tuấn

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu-đo - phân tích
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: Labkttmtna@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: T03.2311/2023/PKQ.23.153

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Thủy điện Bản Vẽ - CN Tổng công ty phát điện 1
Địa chỉ	Đường Lê Nin, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Địa điểm quan trắc	Nhà máy Thủy điện Bản Vẽ, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	TĐBV1: Đầu ra bể phốt thải nhà tập thể 1,2. (N = 19°20'04.7", E = 104°28'56.0") TĐBV2: Đầu ra bể phốt nhà tập thể 3,4. (N = 19°20'04.7", E = 104°28'56.0")
Ngày lấy mẫu	23/11/2023
Ngày phân tích	24/11/2023 đến 01/12/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 14
				TĐBV1	TĐBV2	Cột B, Cmax
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,0	7,4	5 ÷ 9
2	BOD ₅	mg/L	SMEWW 5210B: 2023	55,2	57,6	60
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	88,7	95,0	-
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	95,0	83,5	120
5	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	11,9	10,2	-
6	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	24,7	20,2	-
7	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:2020	4830	4900	5.000

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ), Cmax với K = 1,2.
- (-): Không quy định.

Nghệ An, ngày 01 tháng 12 năm 2023

QA/QC

Trưởng PTN

Giám đốc

CN. Đặng Thị Thu Hiền

CN. Nguyễn Trọng Lục



Phạm Anh Tuấn

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



**CÔNG TY TNHH MTV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: Labkttntmtna@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: T03.2411/2023/PKQ.23.624

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Thủy điện Bản Vẽ - CN Tổng công ty phát điện 1
Địa chỉ	Đường Lê Nin, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Địa điểm quan trắc	Nhà máy Thủy điện Bản Vẽ, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	TĐBV3: Đầu vào hệ thống tách nước lẫn dầu (N = 19°20'30.1", E = 104°29'10.8") TĐBV4: Tại đầu ra hệ thống tách nước lẫn dầu (N = 19°20'30.0", E = 104°29'10.7")
Ngày lấy mẫu	24/11/2023
Ngày phân tích	25/11/2023 đến 02/12/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 40 Cột B, Cmax
				TĐBV3	TĐBV4	
1	Độ màu.	Pt/Co	TCVN 6185:2015	22,0	5,0	162
2	pH		TCVN 6492:2011	7,1	7,3	5,5 - 9
3	BOD ₅	mg/L	SMEWW 5210B: 2023	28,7	11,8	54
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	47,5	22,2	162
5	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	54,0	15,0	108
6	S ²⁻ (Tính theo H ₂ S)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,49	0,24	0,54
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	10,2	2,1	10,8
8	NH ₄ ⁺ - N	mg/L	TCVN 5988:1995	0,42	0,28	10,8
9	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	3,92	2,24	43,2
10	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	1,25	0,87	6,48
11	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:2020	4880	3500	5000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (Cmax với Kq=0,9; Kf=1,2)

Nghệ An, ngày 02 tháng 12 năm 2023

QA/QC

Trưởng PTN



CN. Đặng Thị Thu Hiền

CN. Nguyễn Trọng Lục

Phạm Anh Tuấn

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



**CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: Labktnmtna@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: M02.2411/2023/PKQ.23.624

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Thủy điện Bản Vẽ - CN Tổng công ty phát điện 1
Địa chỉ	Đường Lê Nin, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Địa điểm quan trắc	Nhà máy Thủy điện Bản Vẽ, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.
Loại mẫu	Nước mặt
Vị trí quan trắc	MĐBV9: Cửa xả nhà máy. (N = 19°20'28.1", E = 104°29'14.8")
Ngày lấy mẫu	24/11/2023
Ngày phân tích	25/11/2023 đến 02/12/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả MĐBV9	QCVN 08 Bảng 2, Mức B
1	TDS	mg/L	QTD.14	298	-
2	BOD ₅	mg/L	SMEWW 5210B: 2023	5,7	≤6
3	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	6,80	≥5,0
4	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,05	0,3 ^a
5	PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	TCVN 6202:2008	0,11	-
6	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	<0,2	5 ^a

Ghi chú:

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước mặt;
- Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sông dưới nước, Mức B;
- (a): Bảng 1, Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người;
- (-): Không quy định.

Nghệ An, ngày 02 tháng 12 năm 2023

QA/QC

Trưởng PTN

Giám đốc

CN. Đặng Thị Thu Hiền

CN. Nguyễn Trọng Lục

Phạm Anh Tuấn

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.